

Bản án số: 281/2024/DS-ST

Ngày: 31/5/2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Ký.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quân.

Ông Lê Văn Phú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khôi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 541/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 384/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 503/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Trụ sở: Trụ sở: 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Ngô Quang Trung, là đại diện theo pháp luật (Tổng Giám đốc);

- Ông Đào Hoàng Quang, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 157/24/BV Bank/UQ-QL&THN ngày 13/3/2024) – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Diệu H, sinh năm: 1991 – vắng mặt.

Địa chỉ: 117/3, khu phố 6, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt, có ông Đào Hoàng Quang là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 13/01/2022, nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng tín dụng số 0272200001200, theo đó nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền là 930.000.000 đồng; mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay: 12 tháng. Tiếp theo, ngày 26/5/2022, nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng tín dụng số 0272200009400, theo đó nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền là 950.000.000 đồng; mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay: 12 tháng. Ngày 06/6/2022 nguyên đơn có ký Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 02722000112TD cho bị đơn với hạn mức thẻ là 60.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay, bị đơn đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 785, tờ bản đồ số 21, ấp Bình Hữu II, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; thửa đất số 1035, tờ bản đồ số 21, ấp Bình Hữu II, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; thửa đất số 64, tờ bản đồ số 1-3, thị trấn Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc, lãi còn nợ, lãi phát sinh sau khi xét xử và phát mãi tài sản bảo đảm nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán; nếu sau khi phát mãi vẫn không đủ thu hồi nợ, bị đơn vẫn phải thanh toán hết số nợ còn lại cho nguyên đơn.

Ngày 05/4/2024, nguyên đơn có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện do bị đơn đã thanh toán được một phần số tiền nợ, đồng thời nguyên đơn cũng đã giải chấp đối với 02 tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 785, tờ bản đồ số 21, ấp Bình Hữu II, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; thửa đất số 1035, tờ bản đồ số 21, ấp Bình Hữu II, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán 01 lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 31/5/2024 là: 1.198.601.772 đồng; Trong đó, nợ gốc là 702.918.198 đồng, lãi trong hạn là

67.926.697 đồng, lãi quá hạn là 421.191.181 đồng, lãi chậm trả là 6.565.696 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 01/6/2024 cho đến khi trả hết số tiền còn nợ.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 4351, quyền số 09/2022 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 26/5/2022 tại Văn phòng công chứng Võ Văn Ninh, tỉnh Long An, đối với quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 64, tờ bản đồ số 1-3, thị trấn Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Sau khi xử lý tài sản bảo đảm nếu không đủ trả nợ vay thì bị đơn vẫn phải tiếp tục trả hết khoản nợ vay cho nguyên đơn.

Bị đơn bà Lê Thị Diệu Hiền đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: đúng trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự.
- Về việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định; bị đơn không có mặt theo triệu tập của Tòa án.
- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Căn cứ theo xác nhận của Công an phường Tân Chánh Hiệp xác nhận bị đơn có địa chỉ tại Quận 12 nhưng đã bán nhà đi đâu không rõ. Căn cứ theo các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, Căn cước công dân thể hiện bị đơn có địa chỉ tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, việc bị đơn bỏ đi khỏi địa phương, thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a Khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Ông Đào Hoàng Quang tham gia tố tụng theo Văn bản ủy quyền của nguyên đơn, việc ủy quyền là hợp lệ nên chấp nhận. Ngày 30/5/2024 ông Quang có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02.

Căn cứ theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về chứng cứ:

Tại Khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”.

Tại Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Do đó, Tòa án giải quyết vụ kiện theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Về yêu cầu của đương sự:

[4.1] Xét về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt – Chi nhánh Tây Sài Gòn, theo Điều lệ Ngân hàng được quyền ký kết các hợp đồng tín dụng nhân danh nguyên đơn. Bị đơn giao kết hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Hợp đồng được lập thành văn bản và có chữ ký của các bên. Căn cứ theo quy định tại các điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên là hợp pháp, phù hợp về hình thức và nội dung, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên theo nội dung các thỏa thuận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản nợ nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ nên khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bị đơn phải thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật đối với các khoản tiền còn nợ là có căn cứ.

[4.2] Về số tiền nợ gốc: Căn cứ theo Hợp đồng cho vay số 0272200009400 ngày 26/5/2022 và giấy nhận nợ số 0272200009400001 ngày 27/5/2022 thể hiện bị đơn đã được giải ngân số tiền là 950.000.000 đồng. Kể từ khi được giải ngân, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 702.918.198 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc nêu trên.

Xét yêu cầu trả nợ gốc trên của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Về yêu cầu tính lãi: Tổng số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là 495.693.574 đồng; trong đó, lãi trong hạn là 67.926.697 đồng, lãi quá hạn là 421.191.181 đồng, lãi chậm trả là 6.565.696 đồng.

Căn cứ theo Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Xét thấy việc thỏa thuận lãi giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Căn cứ theo Khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên nợ gốc trong hạn, lãi trên nợ gốc quá hạn và lãi chậm trả phù hợp với quy định của pháp luật.

Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ của các hợp đồng tín dụng sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, tổng số tiền lãi bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là 495.693.574 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.4] Về yêu cầu phát mãi tài sản tài sản bảo đảm:

Căn cứ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0272200009500, đã được công chứng số công chứng 4351, Quyền số 09/2022 TP/CC-SCC/HĐCC lập ngày 26/5/2022 tại Văn phòng công chứng Võ Văn Ninh, tỉnh Long An, bị đơn thế chấp tài sản sau cho nguyên đơn: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 64, tờ bản đồ số 1-3, thị trấn Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, theo Giấy chứng nhận số DA 724195, số vào sổ cấp GCN: CS02122 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 27/01/2021, cập nhật biến động sang cho bị đơn ngày 18/05/2022.

Việc thế chấp nêu trên đã được đăng ký ngày 26/5/2022 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bản chính các giấy chứng nhận nêu trên do nguyên đơn giữ.

Vào thời điểm thế chấp, các bất động sản trên thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bị đơn và bị đơn tự nguyện giao kết hợp đồng. Như vậy, hợp đồng thế chấp trên có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các điều 317, 318, 319, 500, 501 và 502 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Như vậy, yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi xử lý tài sản bảo đảm nếu không đủ trả nợ vay thì bị đơn vẫn phải tiếp tục trả hết khoản nợ vay cho nguyên đơn.

[4.5] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số tiền 1.230.000.010 đồng và phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 785, tờ bản đồ số 21, ấp Bình Hữu II, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; thửa đất số 1035, tờ bản đồ số 21, ấp Bình Hữu II, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

[5] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 15.000.000 đồng, bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 144, Khoản 1 Điều 147, 157, 165, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 117, 118, 119, 122, 317, 318, 319, 463, 500, 501 và 502 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Luật phí, lệ phí năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 và năm 2022;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt.

1.1. Buộc bị đơn bà Lê Thị Diệu Hiền phải thanh toán một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, cho nguyên đơn, số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0272200001200 ngày 13/01/2022, Hợp đồng tín dụng số 0272200009400 ngày 26/5/2022, Hợp đồng thẻ tín dụng số 02722000112TD ngày 06/6/2022, các giấy nhận nợ số 0272200001200001 ngày 14/01/2022 và số 0272200009400001 ngày 27/5/2022, tạm tính đến ngày 31/5/2024 là: 1.198.601.772 (một tỷ một trăm

chín mươi tám triệu sáu trăm lẻ một nghìn bảy trăm bảy mươi hai) đồng; Trong đó, nợ gốc là: 702.918.198 (bảy trăm lẻ hai triệu chín trăm mười tám nghìn một trăm chín mươi tám) đồng, lãi trong hạn là: 67.926.697 đồng (sáu mươi bảy triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm chín mươi bảy) đồng, lãi quá hạn là: 421.191.181 (bốn trăm hai mươi một triệu một trăm chín mươi một nghìn một trăm mười tám) đồng và lãi chậm trả là: 6.565.696 (sáu triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm chín mươi sáu) đồng.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho bên cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của của bên cho vay.

1.3. Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ trên, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0272200009500, đã được công chứng số công chứng 4351, Quyền số 09/2022 TP/CC-SCC/HĐCC lập ngày 26/5/2022 tại Văn phòng công chứng Võ Văn Ninh, tỉnh Long An.

Chi tiết tài sản bảo đảm như sau: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 64, tờ bản đồ số 1-3, thị trấn Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, theo Giấy chứng nhận số DA 724195, sổ vào sổ cấp GCN: CS02122 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 27/01/2021, cập nhật biến động sang cho bị đơn ngày 18/05/2022.

1.4. Sau khi xử lý tài sản bảo đảm nếu không đủ trả nợ vay thì bị đơn vẫn phải tiếp tục trả hết khoản nợ vay cho nguyên đơn.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số tiền 1.230.000.010 đồng và phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 785, tờ bản đồ số 21, ấp Bình Hữu II, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; thửa đất số 1035, tờ bản đồ số 21, ấp Bình Hữu II, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

3. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 15.000.000 (mười triệu) đồng, bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 47.958.053 (bốn mươi bảy triệu chín trăm năm mươi tám nghìn không trăm năm mươi ba) đồng, bị đơn chịu.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.094.901 (ba mươi bảy triệu không trăm chín mươi bốn nghìn chín trăm lẻ một) đồng, theo Biên lai thu số 0030792 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008; đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 và năm 2022 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Ký